

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 09 - 13/09/2024

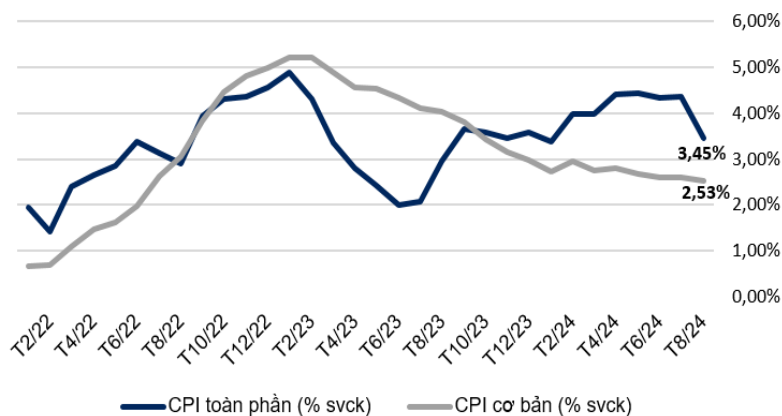


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

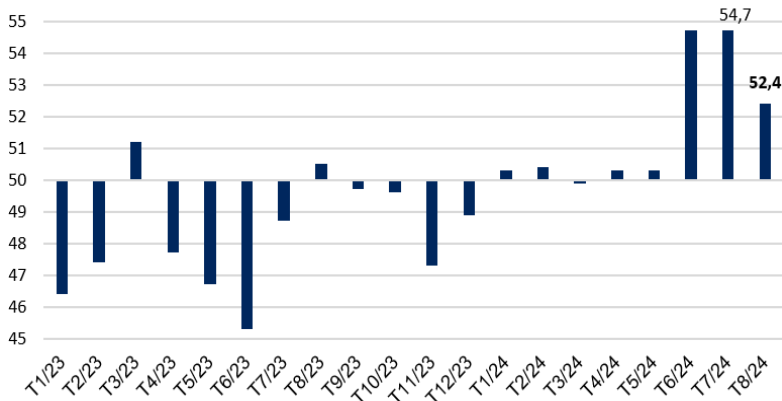


Việt Nam: Lạm phát hạ nhiệt và lĩnh vực sản xuất duy trì mở rộng trong tháng 8

Số liệu lạm phát của Việt Nam



PMI lĩnh vực sản xuất của VN

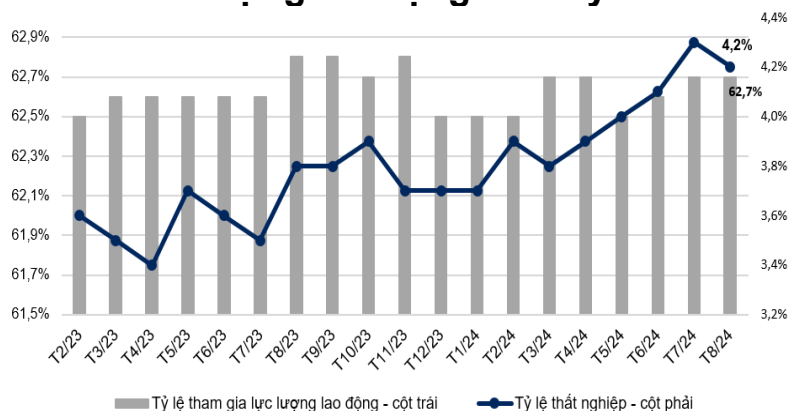


www.vndirect.com.vn

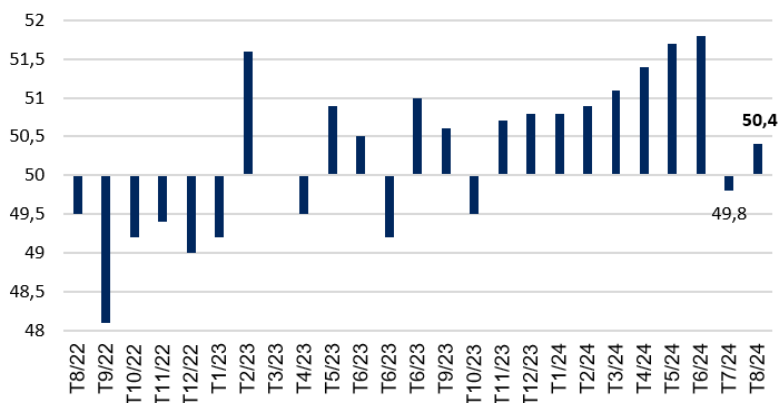
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T8/24 của Việt Nam ổn định so với tháng trước và tăng 3,45% yoy, hạ nhiệt đáng kể từ mức tăng 4,36% yoy của T7/24.
- Các điều kiện kinh doanh ngành sản xuất của Việt Nam duy trì mở rộng tháng thứ 5 liên tiếp khi PMI lĩnh vực sản xuất trong T8/24 đạt mức 52,4 điểm.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T8/24 của Việt Nam ổn định so với tháng trước và tăng 3,45% yoy, mức tăng này hạ nhiệt đáng kể so với mức tăng 4,36% yoy của T7/24. Trong khi CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,24% mom và tăng 2,53% yoy, cũng hạ nhiệt so với mức tăng 2,61% yoy của T7/24. Nhóm xăng dầu giảm là nguyên nhân chính giúp CPI T8/24 hạ nhiệt. Cụ thể trong T8/24 nhóm giao thông đã giảm 1,98% mom, trong khi 10/11 nhóm hàng hóa còn lại tăng giá so với tháng trước.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất VN của S&P Global đạt mức 52,4 điểm, giảm từ mức 54,7 điểm trong T7/24. Mặc dù giảm điểm so với tháng trước, nhưng với mức điểm vẫn trên mốc 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của VN đã duy trì mở rộng tháng thứ 5 liên tiếp, tuy nhiên tốc độ mở rộng đã chậm lại. Cụ thể theo số liệu khảo sát kỳ này, sự cải thiện của sức khỏe lĩnh vực sản xuất đã giúp sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng cao, và tốc độ tăng tương ứng vẫn nhanh mặc dù đã chậm lại so với tốc độ đặc biệt cao được ghi nhận trong tháng 6 và tháng 7. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng và là tháng tăng thứ năm liên tiếp. Nhu cầu khách hàng cải thiện đã khiến số lượng đơn đặt hàng mới tăng, và các công ty đã tăng sản lượng tương ứng. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh và áp lực chi phí nhẹ bớt đã khiến các nhà sản xuất tăng mạnh hoạt động mua hàng trong tháng 8. Ngược lại với hoạt động mua hàng, các nhà sản xuất đã giảm việc làm lần đầu trong ba tháng khi xuất hiện các trường hợp thôi việc và chấm dứt hợp đồng lao động tạm thời.

Thế Giới: Mỹ số liệu việc làm tháng 8 thấp hơn dự báo, Lĩnh vực sản xuất của TQ tăng trưởng trở lại

Số liệu thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ



PMI sản xuất của Trung Quốc



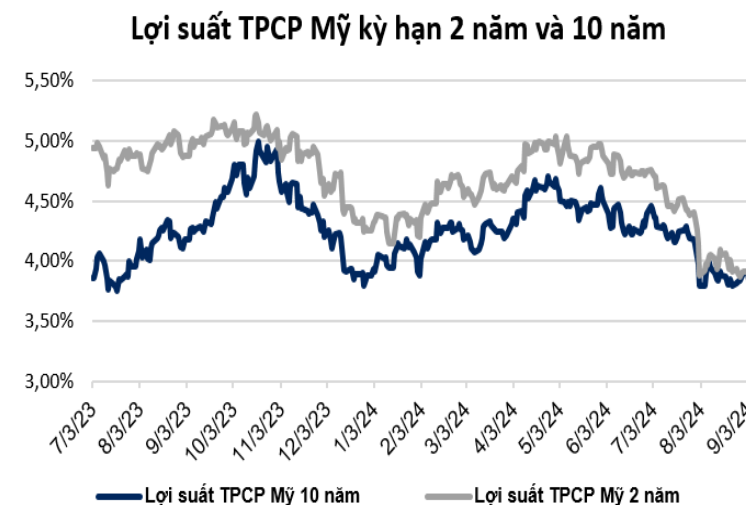
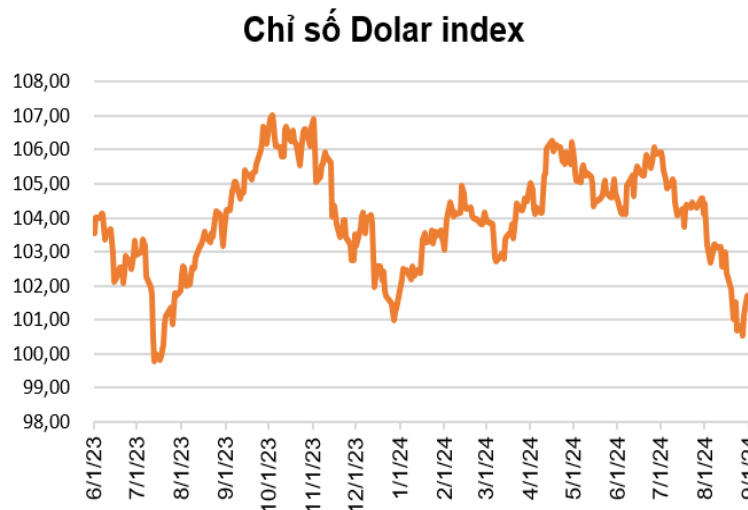
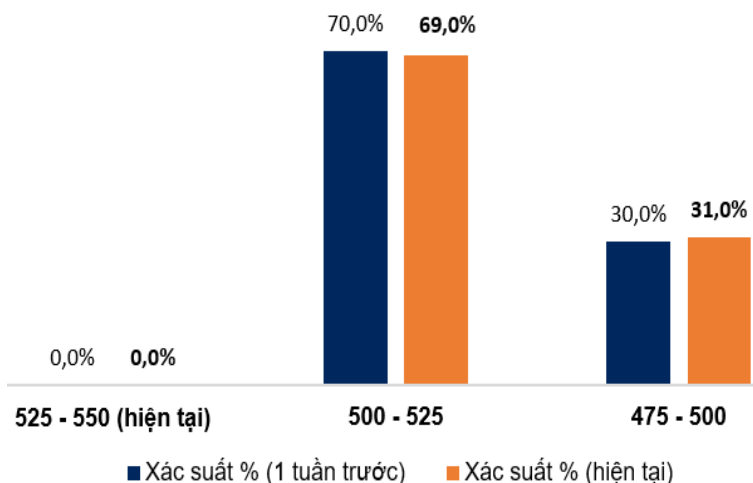
- Trong T8/24 nền kinh tế Mỹ đã tạo ra 142 nghìn việc làm mới, thấp hơn mức dự báo. Trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức 4,2%.
- Theo S&P Global, lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc đã tăng trưởng trở lại trong T8/24 khi PMI sản xuất tăng lên mức 50,4 điểm từ mức 49,8 điểm.
- Theo báo cáo của bộ Lao Động Mỹ, trong T8/24 nước này có 142 nghìn việc làm mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp, mức này thấp hơn mức dự báo của các chuyên gia là sẽ có 164 nghìn việc làm mới. Tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp trong T8/24 của Mỹ giảm xuống mức 4,2% từ mức 4,3% và khớp với dự báo của các chuyên gia. Trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động duy trì ở mức 62,7%, tiền lương trung bình của người lao động Mỹ trong T8/24 tăng 0,4% mom và 3,8% yoy, cao hơn dự báo tăng 0,3% mom và 3,7% yoy của các chuyên gia. Các số liệu việc làm trong T8/24 của Mỹ có sự trái chiều khi số lượng việc làm mới ít hơn dự báo trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm, những số liệu này có thể khiến cho việc lựa chọn mức cắt giảm lãi suất trong cuộc họp tháng 9 sắp tới của Fed trở nên khó khăn hơn.
- Theo số liệu của S&P Global, chỉ số quản lý mua hàng (PMI) sản xuất T8/24 của Trung Quốc tăng lên mức 50,4 điểm từ mức 49,8 điểm vào cao hơn mức dự báo đạt 50 điểm của các chuyên gia. Mức điểm trên 50 cho thấy lĩnh vực sản xuất của TQ đã có sự mở rộng trở lại trong tháng 8. Cụ thể theo số liệu khảo sát của S&P Global, các đơn đặt hàng mới đã quay trở lại tăng trưởng, nhờ đó thúc đẩy mở rộng sản xuất nhanh hơn. Điều này hỗ trợ sự ổn định việc làm và niềm tin về triển vọng kinh doanh của các nhà quản lý.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T9/2024

76% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành và 24% dự báo Fed sẽ giảm 0,5% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 9.2024.

DXY đóng cửa ở mức 101,19 điểm, giảm 0,5% so với tuần trước (wow) và giảm 0,14% so với đầu năm 2024 (ytd).

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,654% giảm 26.2 bps wow và giảm 59,6 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 3,716% giảm 18,7 bps wow và giảm 16,3 bps ytd



Kỳ vọng Fed có thể cắt giảm mạnh lãi suất trong bối cảnh thị trường việc làm của Mỹ vẫn đang tiếp tục suy yếu là những thông tin hỗ trợ cho đà giảm của cả chỉ số Dolar và lợi suất TPCP Mỹ trong tuần qua.

Dự báo của thị trường về quyết định lãi suất trong kỳ họp tháng 9 của Fed đang nghiêng về kịch bản Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp này (cuộc họp tháng 9 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 18/09/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 11/09/2024	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8.2024
Thứ Năm 12/09/2024	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 8.2024
	EU	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 9.2024
Thứ Bảy 14/09/2024	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 8.2024

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
<p>Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. ▪ Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
<p>Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. ▪ Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. ▪ Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. ▪ Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

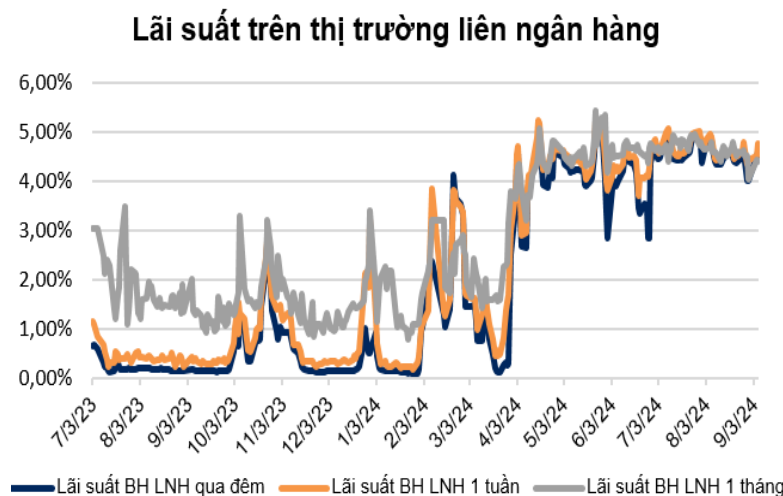
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

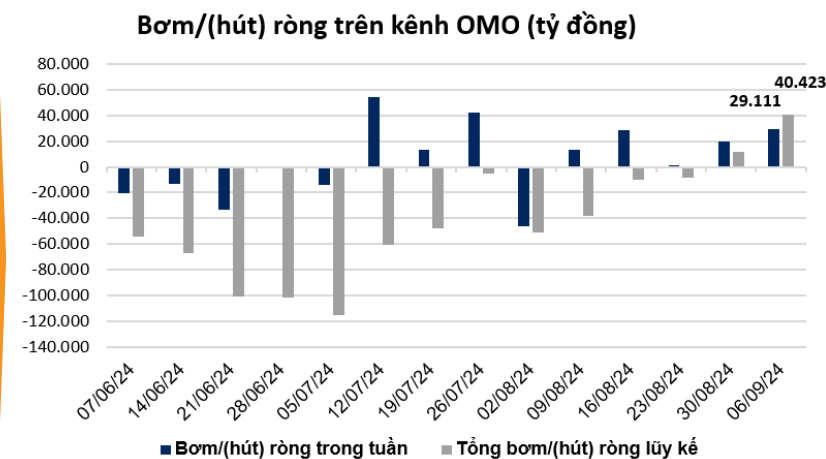


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD – VNĐ giảm mạnh

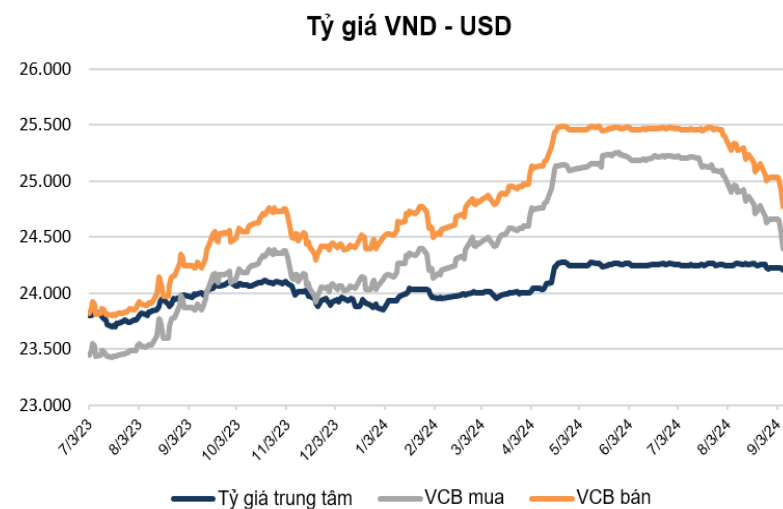
Lãi suất LNH tăng trở lại sau nhịp điều chỉnh trước kỳ nghỉ lễ. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,59% (+57 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,77% (+33 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,40% (+35 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 05/09/2024)



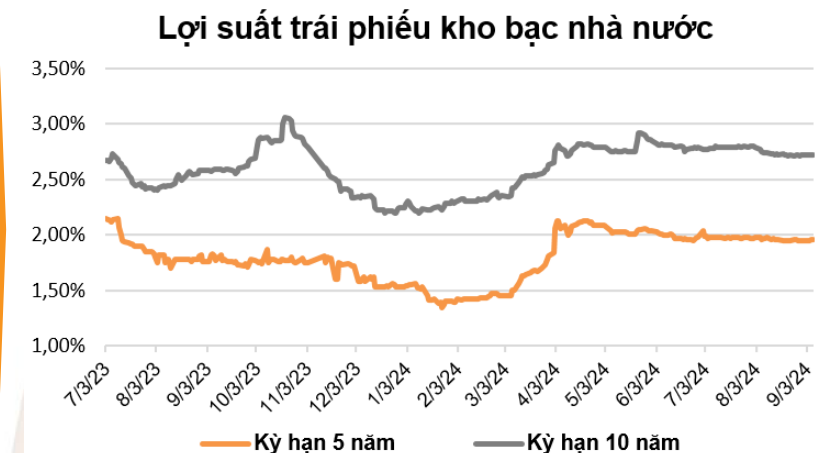
NHNN tiếp tục bơm ròng trên kênh OMO, tổng giá bơm ròng trong tuần là 29.111 tỷ đồng. Tổng giá trị bơm ròng lũy kế hiện là 40.423 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND giảm mạnh. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 24.400 đ và 24.770 đ giảm 1,04% wow và tăng 1,43% ytd (theo giá bán). Trong khi tỷ giá trung tâm hiện là 24.202 đ, giảm 0,09% wow và tăng 1,41% ytd.

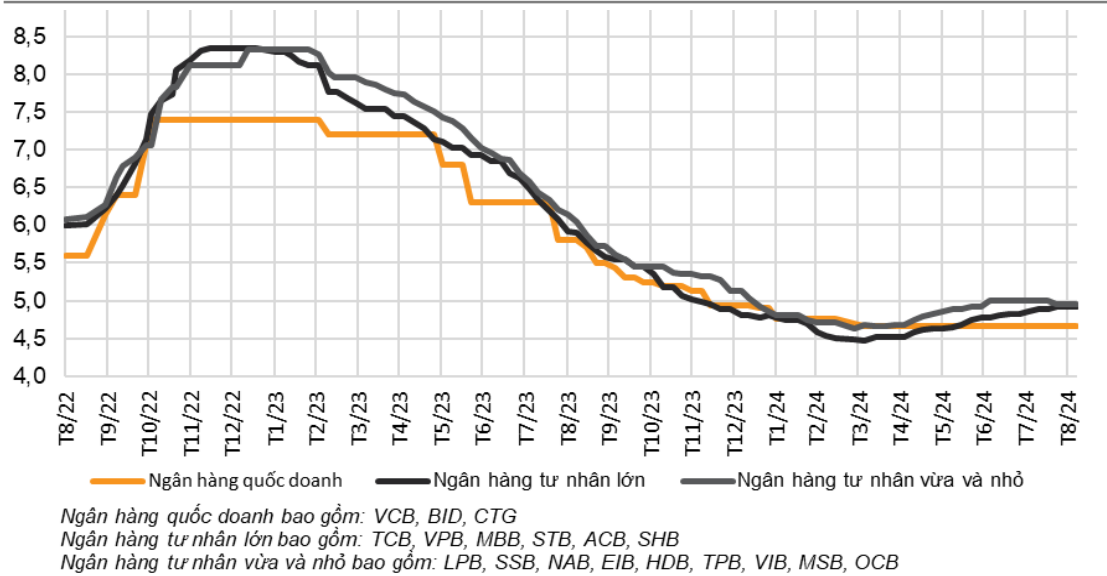


Lợi suất TP KBNN đi ngang, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,72%, không thay đổi so với tuần trước và tăng 48 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,96% tăng 1 bps wow và tăng 43 bps ytd.

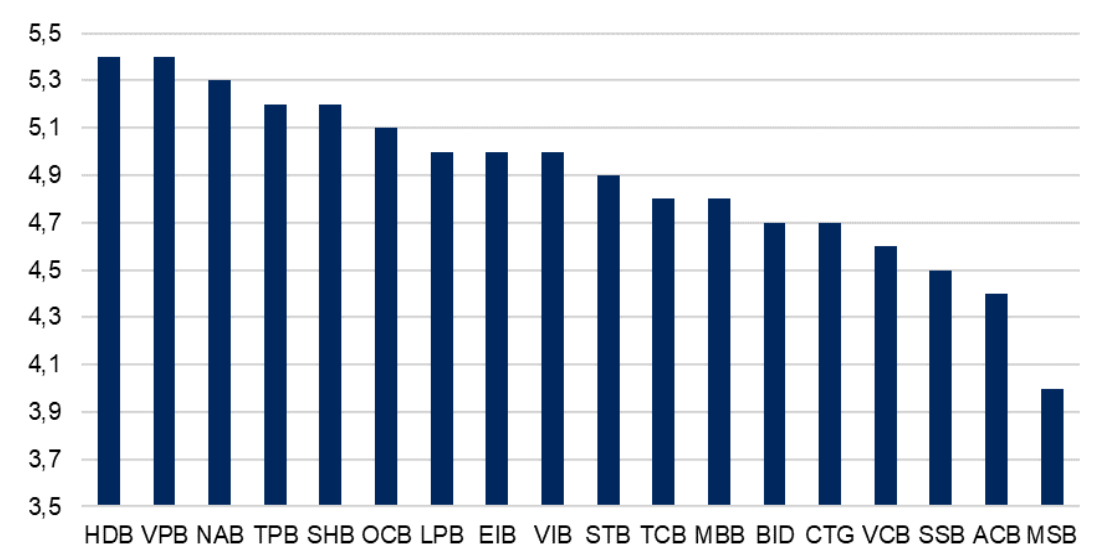


Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng duy trì ổn định

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

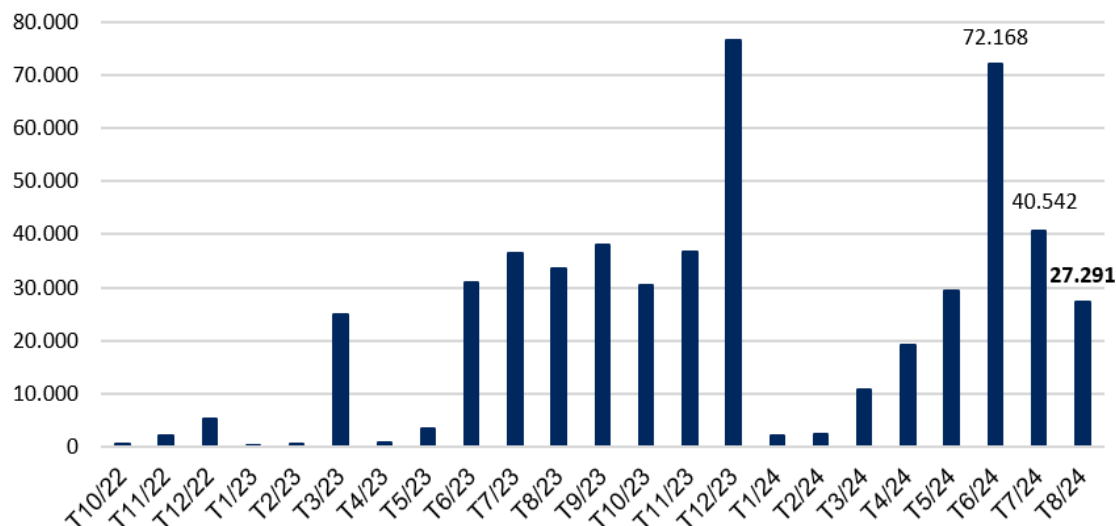


- Trong tuần từ 23/08 – 06/09/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của nhóm NH quốc doanh, NH tư nhân lớn và NH tư nhân vừa & nhỏ giữ nguyên ở mức lần lượt 4,67%/4,92%/4,94%.
- Trong tuần qua, TCB là NH duy nhất tăng lãi suất huy động ở kỳ hạn 6 tháng lên mức 4,4% (+0,3 điểm %). Đối với kỳ hạn 3 tháng, NH HDB và TCB lần lượt tăng lãi suất thêm 0,4/ 0,2 điểm % lên 3,5%/ 3,3%

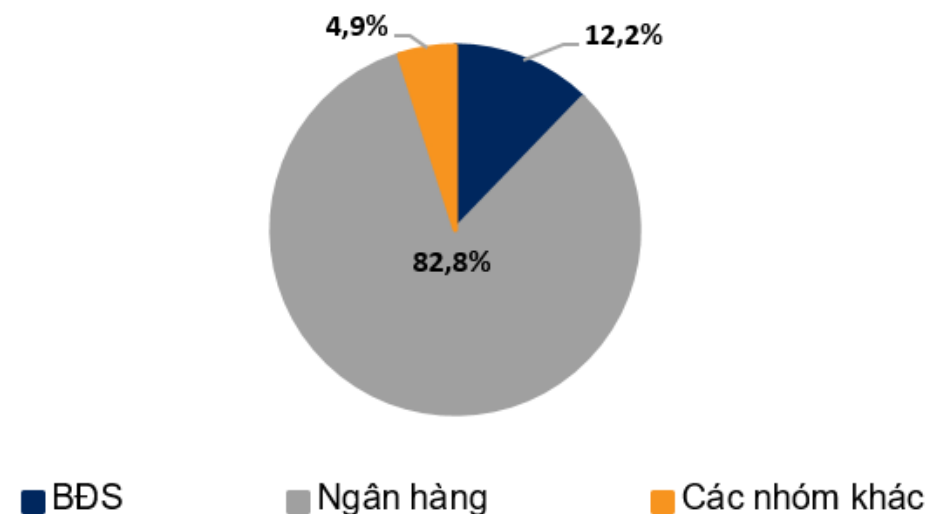
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Nhóm Ngân hàng duy trì phát hành giúp hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tiếp tục ảm lên trong tháng 8

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 28/08/24



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T8/24 - số liệu được tổng hợp đến ngày 28/08/24

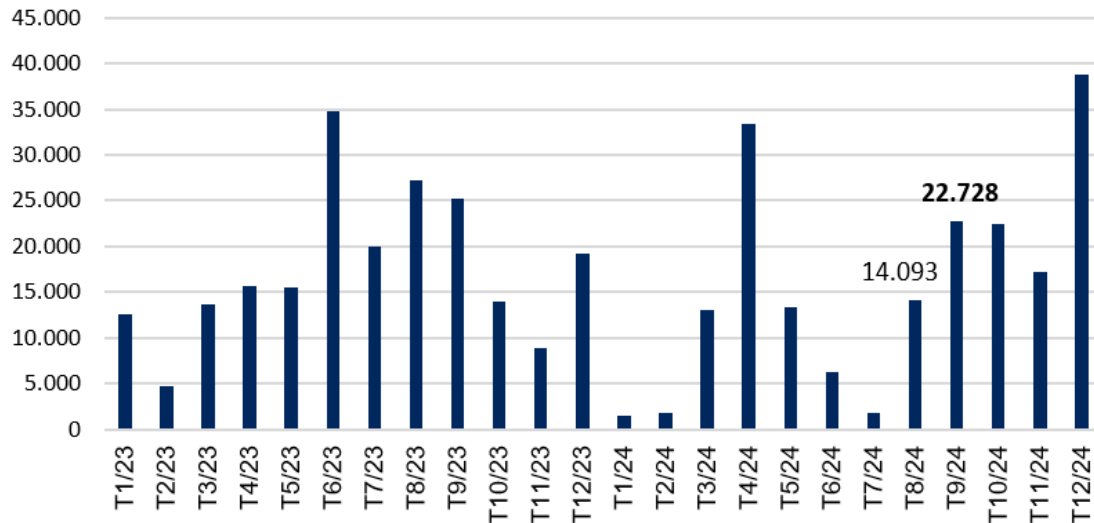


- Theo số liệu được công bố đến ngày 28/08/24, trong T8/24 có 30 đợt phát hành TPDNRL thành công với tổng giá phát hành đạt 27.291 tỷ đồng, giảm 32,7% so với tháng trước và giảm 18,6% svck. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 203 nghìn tỷ đồng, tăng 56% svck.
- Hoạt động phát hành riêng lẻ trong T8/24 mặc dù sụt giảm so với tháng trước, tuy nhiên nếu so với các tháng đầu năm thì vẫn đang tiếp tục ảm lên. Trong T8/24 có 21 đợt phát hành riêng lẻ của nhóm Ngân hàng với tổng trị phát hành đạt hơn 22 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,8% tổng giá trị phát hành.

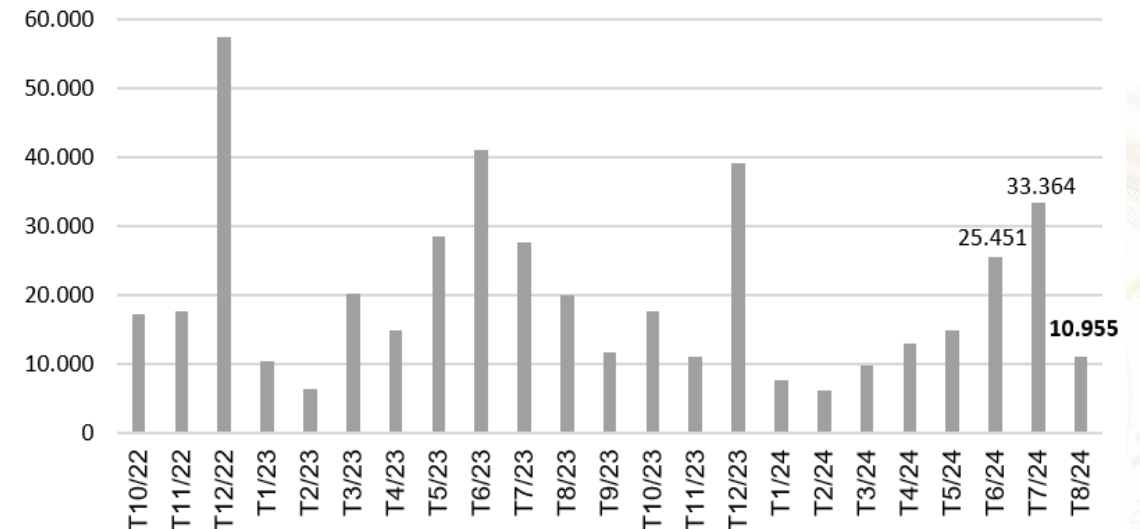
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực đáo hạn sẽ tiếp tục gia tăng trong T9/24, hoạt động đàm phán thay đổi kỳ hạn trái phiếu vẫn diễn ra sôi động

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 28/08/24



Tổng giá TPDN riêng lẻ được mua lại trước hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 28/08/24



- Theo số liệu của chúng tôi trong T9/24 sẽ có khoảng hơn 22,7 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, áp lực đáo hạn gia tăng trong T9/24 và sẽ duy trì ở mức cao trong các tháng còn lại của năm 2024.
- Hoạt động đàm phán thay đổi điều khoản và điều kiện trái phiếu (TP) giữa các tổ chức phát hành (TCPH) và các trái chủ vẫn diễn ra tích cực trong T8/24. Tính đến ngày 28/08/24 đã có khoảng 100 TCPH đạt được thỏa thuận gia hạn thời hạn TP với trái chủ với tổng giá trị TPDN được gia hạn là khoảng hơn 154 nghìn tỷ đồng.

3.3 Thị trường Bất động sản

Bộ Xây dựng công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý II năm 2024

1. Số lượng các dự án bất động sản được cấp phép và đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai trong Quý II/2024.

- Dự án được cấp phép mới: có 19 dự án với quy mô khoảng 10.230 căn, số lượng dự án được cấp phép mới bằng Quý I/2024 và bằng 126,67% svck năm 2023.
- Có 50 dự án với quy mô khoảng 13.167 căn, số lượng dự án đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai bằng 131,58% với Quý I/2024 và bằng 106,38% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Lượng giao dịch chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền.

- Lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ: có 25.885 giao dịch thành công, giảm 27,8% sv quý trước, giảm 12,9% svck.
- Lượng giao dịch đất nền: có 124.991 giao dịch thành công, tăng 28,0% sv quý trước, tăng 85,9% svck.

3. Lượng hàng tồn kho

- Lượng HTK BĐS tại các dự án trong quý II/2024 vào khoảng 17.105 căn, nền (bao gồm 2.999 căn chung cư, 7.045 nhà ở riêng lẻ, 7.061 đất nền). Do đó, có thể thấy tỷ trọng tồn kho chủ yếu ở phân khúc bất động sản nhà ở riêng lẻ và đất nền của các dự án.

4. Giá giao dịch

- Trong Q2/24, giá nhà đã tăng khoảng 5-6.5% ở Hà Nội và TP.HCM và tăng 25% nếu tính cả năm tùy từng khu vực và vị trí, đặc biệt ở khu vực Hà Nội. Tình hình tăng giá nhà đã chững lại trong giai đoạn cuối quý 2 do giá nhà đã ở mức cao và tâm lý người mua đang chờ đợi.

5. Tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản

- Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, tính hết tháng 6, tín dụng bất động sản tăng 4,6%, trong đó kinh doanh bất động sản tăng 10,29%. Tuy nhiên, tín dụng cho tiêu dùng bất động sản chỉ tăng 1,15% nguyên nhân được cho là giá nhà đang chênh lệch lớn so với thu nhập của người dân, xu hướng này vẫn duy trì do kinh tế khó khăn và thu nhập chưa có dấu hiệu tăng trở lại.

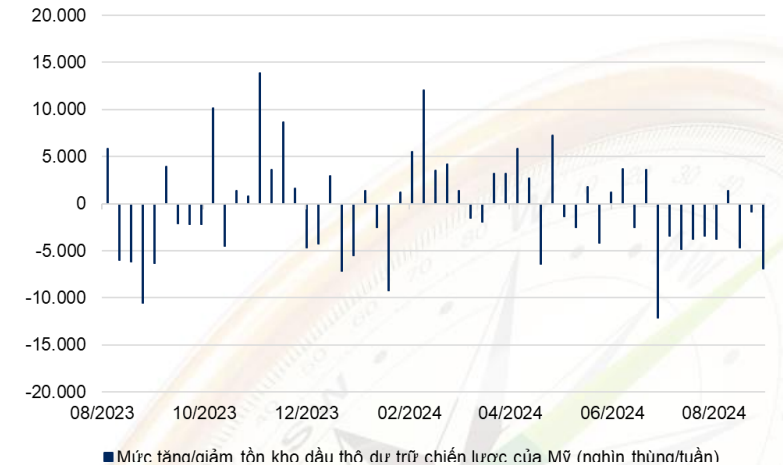
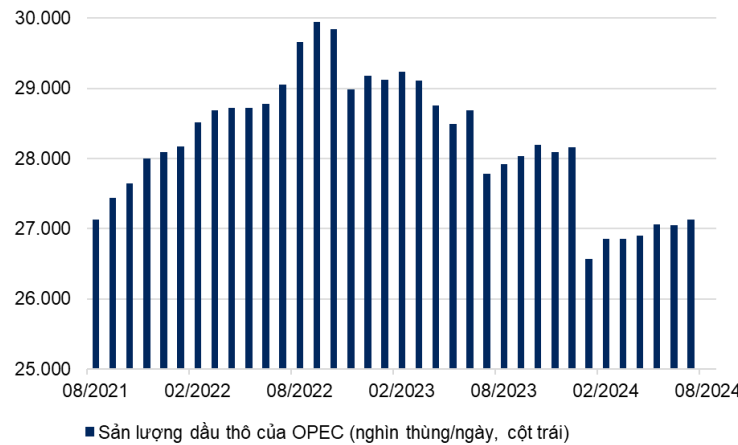
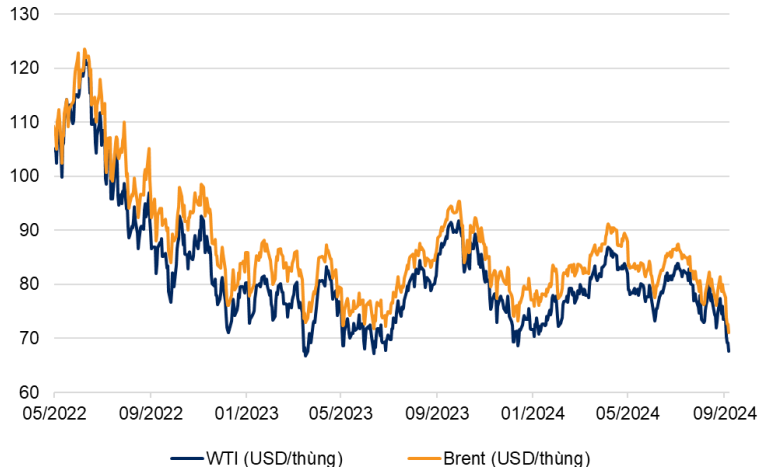
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô giảm mạnh về mức thấp nhất kể từ đầu năm

Tính đến ngày 06/09, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt giảm 8,0%/9,8% sv tuần trước, về mức 67,7 và 71,1 USD/thùng

Sản lượng dầu từ OPEC đạt trung bình 26,9 triệu thùng/ngày trong 8 tháng đầu năm, giảm 5,9% svck, theo Bloomberg

Dữ liệu tại kho dự trữ chiến lược tại Mỹ đã giảm ròng hơn 11 triệu thùng dầu trong tháng 8



- Giá dầu thô giảm mạnh trong tuần qua khi chịu rủi ro nguồn cung tăng lên trong khi nhu cầu tiêu thụ yếu. Mặc dù, ở thị trường tiêu thụ dầu hàng đầu là Mỹ, kho dự trữ chiến lược đã giảm mạnh 6,9 triệu thùng trong tuần cuối tháng 8 (so với mức dự kiến là 1,1 triệu thùng). Tính đến ngày 06/09, giá dầu WTI và Brent đã lần lượt giảm 5,6%/7,8% kể từ đầu năm.
- Trong cuộc họp ngày 5/9, OPEC+ đã hoãn kế hoạch tăng sản lượng 180.000 thùng/ngày vào tháng 10 và tháng 11 năm nay. Tuy nhiên, kế hoạch dài hạn nhằm khôi phục dần dần 2,2 triệu thùng/ngày sẽ vẫn được duy trì và được lùi lại đến tháng 12/2025. Bên cạnh đó, dữ liệu ước tính từ Bloomberg cho thấy, tổng sản lượng dầu từ các quốc gia OPEC ra thị trường vẫn đang tăng lên kể từ tháng 2/2024.

3.4 Thị trường hàng hóa

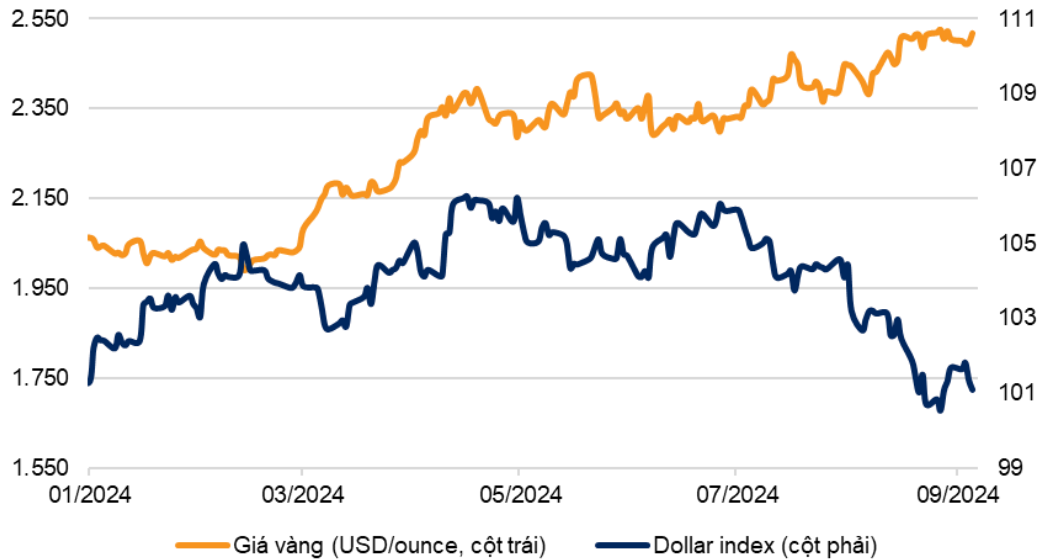
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 06/09/2024):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2024	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-9,82%	-7,09%	-21,57%	-6,36%	
	Khí LNG	-7,34%	0,24%	5,30%	12,18%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-3,21%	-2,75%	-11,56%	10,76%	
	Quặng sắt	-7,02%	-10,61%	-22,79%	-35,86%	
	Đồng	-3,15%	-0,31%	7,10%	3,45%	
	Niken	-5,58%	-3,14%	-23,23%	-4,42%	
	PVC	-4,65%	-8,69%	-19,39%	-7,14%	
	Cao su	-8,57%	8,26%	54,05%	45,38%	
	Gỗ	-1,12%	-5,34%	-2,89%	-11,20%	
Nông nghiệp	Urê	1,82%	-0,74%	-22,47%	5,16%	
	Lúa Mỹ	3,85%	1,84%	-4,78%	-8,82%	
	Gạo tám 5%	0,43%	1,87%	-1,64%	-11,28%	
	Đường	-2,43%	5,82%	-27,88%	-9,52%	
	Thịt lợn	0,00%	-0,47%	11,19%	27,97%	
Kim loại quý	Vàng thời	-0,24%	4,46%	30,31%	21,29%	

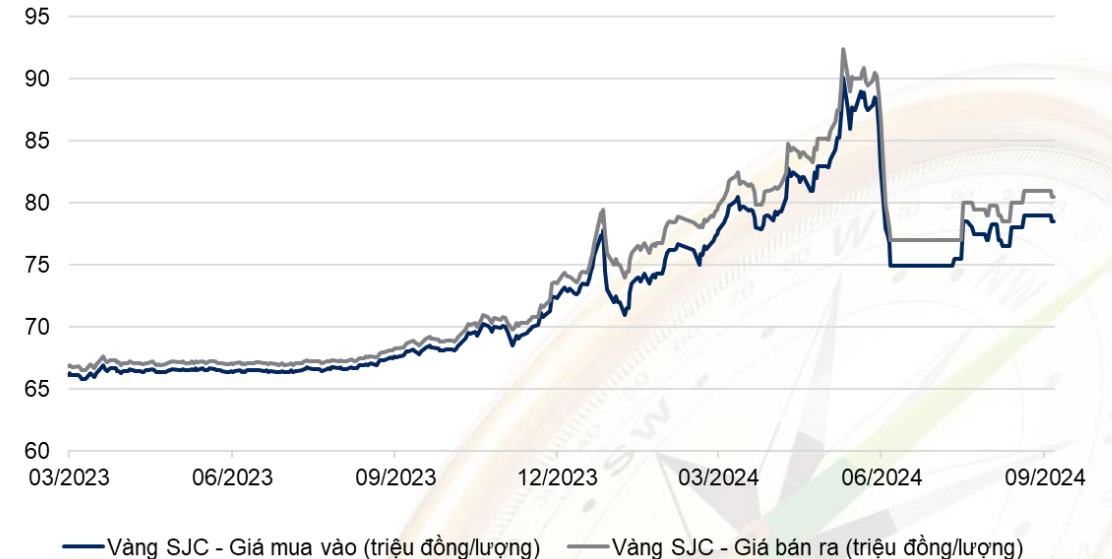
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng thế giới quay đầu điều chỉnh sau nhịp tăng lên đỉnh lịch sử trong tuần trước

Tính đến ngày 06/09, giá vàng thế giới đạt 2.487 USD/oz, giảm 0,7% sv tuần trước và tăng 4,0% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 78,5-80,5 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua bán, giảm 0,63%/0,62% sv tuần trước ở mỗi chiều



- Giá vàng thế giới điều chỉnh quanh ngưỡng 2.500 USD/oz sau khi lập đỉnh mới (tại 2.525 USD/oz) vào ngày 27/8. Mặt khác, môi trường thuận lợi cho giá vàng vẫn được duy trì, trong tuần qua, thị trường Mỹ ghi nhận số việc làm tăng thêm trong tháng 8 thấp hơn kỳ vọng (đạt 142 nghìn, so với kỳ vọng là 160 nghìn), dẫn đến sự đồng thuận tăng lên cho kịch bản FED sẽ giảm lãi suất 125 điểm cơ bản trong 3 cuộc họp cuối năm.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC tại ngày 06/09 lần lượt đạt 78,5 triệu đồng/lượng chiều mua và 80,5 triệu đồng/lượng chiều bán, giảm 0,63%/0,62% kể từ đầu tháng tại mỗi chiều. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 06/09 ở mức 6,7 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND =24.600).

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2024	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-2,93%	2,15%	7,05%	16,68%
S&P 500	Mỹ	-4,25%	1,20%	13,39%	21,33%
Nasdaq	Mỹ	-5,77%	-0,33%	11,19%	21,29%
Euro Stoxx 50	EU	-4,40%	1,38%	4,82%	11,86%
FTSE 100	Anh	-2,33%	0,16%	5,80%	9,40%
Nikkei 225	Nhật Bản	-5,76%	3,99%	8,84%	11,70%
Shanghai	Trung Quốc	-2,69%	-3,37%	-7,03%	-11,26%
Hang Seng	Trung Quốc	-3,03%	2,07%	2,33%	-4,16%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-5,28%	-1,75%	17,63%	27,25%
SET	Thái Lan	5,05%	10,07%	0,83%	-7,73%
KOSPI	Hàn Quốc	-4,86%	-1,71%	-4,18%	-0,13%
Malaysia Top 100	Malaysia	-1,66%	1,50%	14,30%	15,22%
STI Index	Singapore	0,34%	5,91%	6,61%	7,69%
IDX Composite	Indonesia	0,67%	6,41%	6,17%	11,51%
PHS All Shares	Philippine	0,27%	4,01%	9,59%	11,68%
VN-Index	Việt Nam	-0,77%	4,11%	12,75%	2,62%

Thị trường chứng khoán Mỹ đã trải qua 1 tuần giảm mạnh nhất trong hơn một năm qua, trong bối cảnh dữ liệu việc làm không khả quan làm dấy lên mối lo ngại của các nhà đầu tư về khả năng suy thoái của nền kinh tế Mỹ. Kết tuần cả 3 chỉ số chính của thị trường chứng khoán Mỹ đều giảm mạnh, trong đó chỉ số Nasdaq giảm mạnh nhất với mức giảm 5,77%, S&P 500 giảm hơn 4% và Dow Jones giảm gần 3%.

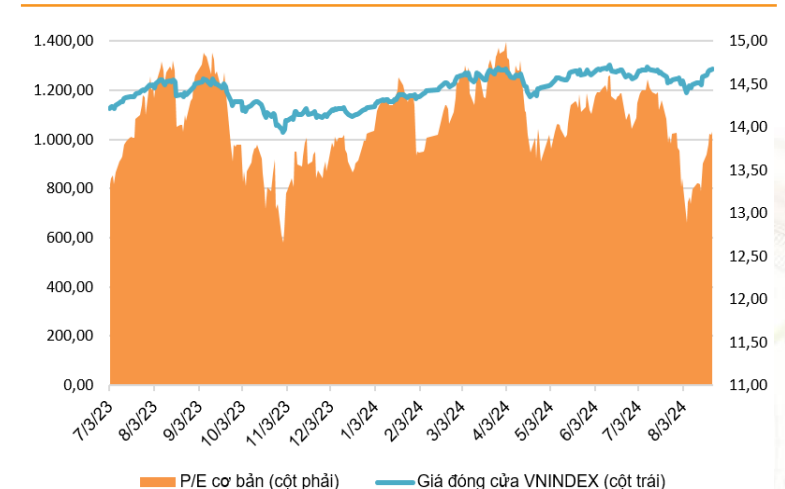
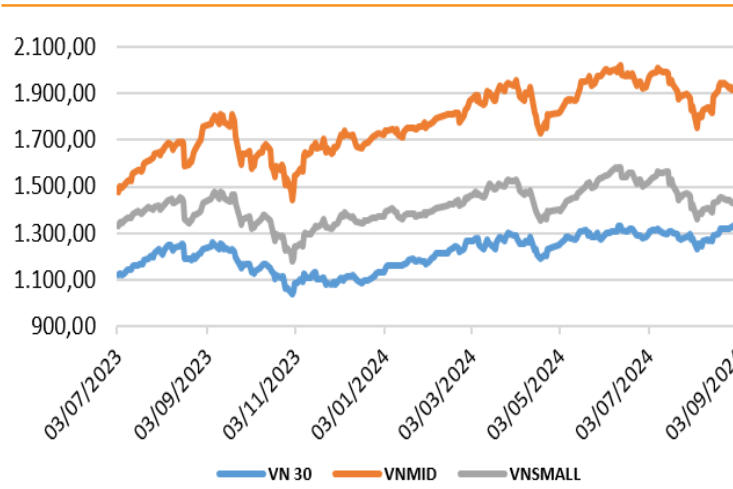
Nhiều thị trường chứng khoán lớn khác trên thế giới cũng ghi nhận mức giảm điểm mạnh trong tuần qua, trong đó thị trường Nhật Bản và Đài Loan đều ghi nhận mức giảm trên 5%, thị trường Hàn Quốc giảm gần 5%, thị trường Trung Quốc, thị trường Anh đều ghi nhận mức giảm trên 2%.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường điều chỉnh với thanh khoản sụt giảm

VN-Index điều chỉnh, kết tuần tại mức 1.273,96 điểm, giảm 0,77% sv tuần trước

Chỉ số VN30/VNMID/VNSML đều giảm với mức giảm lần lượt là 1,21%/1,24%/0,98%

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,8x.



- Với 1 phiên tăng điểm và 2 phiên giảm điểm, VN-Index có tuần điều chỉnh sau kỳ nghỉ lễ. Kết tuần VN-index giảm 9,91 điểm (-0,77%) xuống 1.273,96 điểm. Thanh khoản giao dịch cũng sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 517,8 triệu cp/phiên, giảm 7,7% so với tuần trước và thấp hơn 9,4% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 1.227 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng chuyển sang bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 225 tỷ đồng.
- Các mã VHM và VIC là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 2,52 điểm và 0,81 điểm. Ở chiều ngược lại VCB và GVR là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo giảm lần lượt 1,88 điểm và 1,31 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

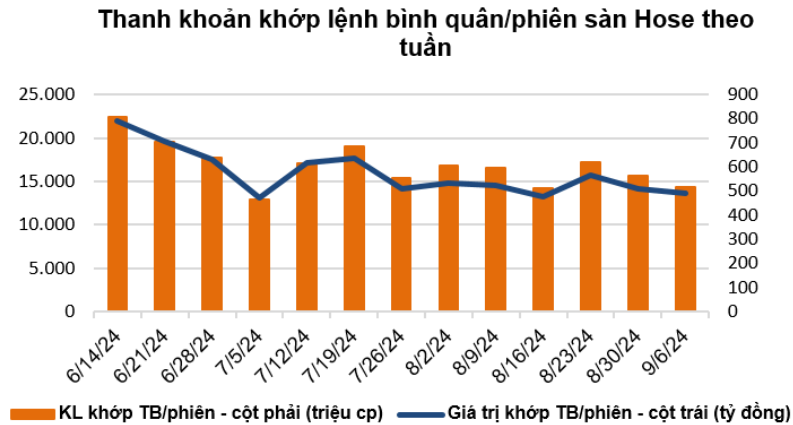
Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-1,6%	8,9%	76,5%	51,2	3,47	-2,0%
Bảo hiểm	-1,2%	2,9%	26,7%	12,4	1,34	-13,0%
Bất động sản	1,4%	10,7%	19,4%	18,2	1,32	-15,1%
Công nghệ TT	-1,9%	8,8%	56,4%	27,1	5,01	53,3%
Dầu khí	-3,6%	2,4%	32,7%	13,6	1,44	33,6%
Dịch vụ tài chính	-1,4%	7,3%	20,1%	17,0	1,58	-20,0%
Hóa chất	-1,2%	8,0%	70,2%	21,4	2,04	5,3%
Ngân hàng	-1,4%	4,6%	27,3%	9,5	1,53	-8,9%
Tài nguyên cơ bản	-1,3%	-1,1%	11,4%	19,6	1,33	16,0%
Thực phẩm&Đồ uống	-0,3%	2,9%	45,2%	22,65	2,78	-6,7%
Viễn thông	-6,0%	1,1%	147,3%	37,5	5,55	18,5%
Xây dựng & Vật liệu	-0,4%	5,5%	25,5%	22,9	1,42	17,6%
VN-Index	-0,77%	5,26%	12,75%	13,81	1,73	-7,7%

Nhóm cổ phiếu Vingroup có diễn biến khởi sắc và có đóng góp tích cực cho nhóm BĐS nói riêng và điểm số chung của thị trường trong tuần qua khi VHM (+5,78%), VRE(+4,69%), VIC (+1,02%)...

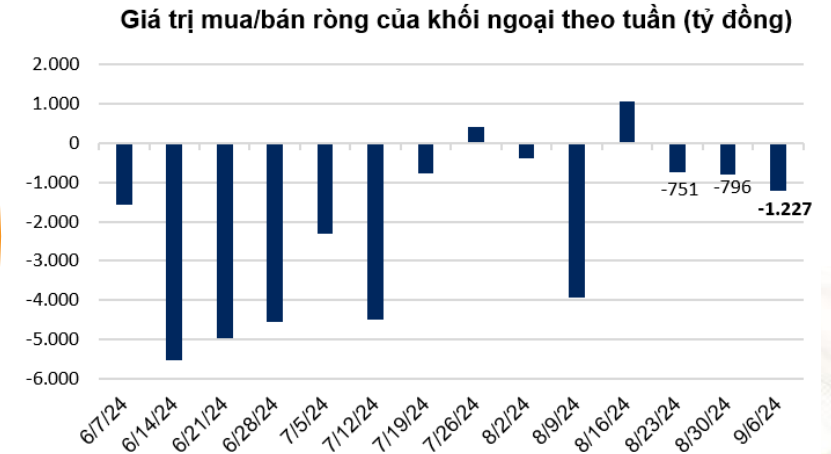
Ở chiều ngược lại, phần lớn các nhóm ngành khác đều có diễn biến kém tích cực trong tuần qua. Một trong những nhóm ngành có diễn biến tiêu cực nhất và tác động cho sự giảm điểm của thị trường tuần qua là nhóm Dầu Khí với các mã BSR (-3,35%), PLX (-3,4%), OIL (-8,5%), PVD (-3,1%)... Nhóm cổ phiếu Thép cũng giao dịch trong sắc đỏ với NKG (-4,36%), HSG (-4,09%), TLH (-4,07%), HPG (-0,39%)... nhóm cổ phiếu Chứng Khoán cũng diễn biến kém tích cực với MBS (-3,21%), VIX (-2,88%), VCI (-2,05%), SSI (-0,89%) ...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản sụt giảm và khối ngoại duy trì bán ròng

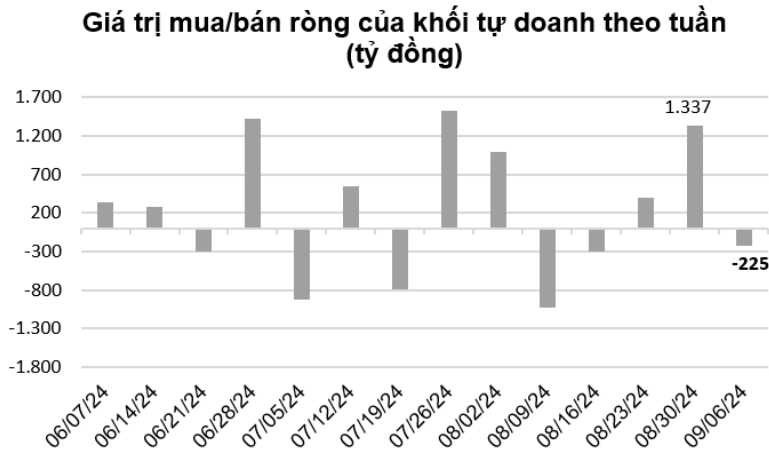
Thanh khoản sụt giảm và ở mức thấp hơn trung bình, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 517,8 triệu cp/phiên, giảm 7,7% sv tuần trước và thấp hơn 9,4% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



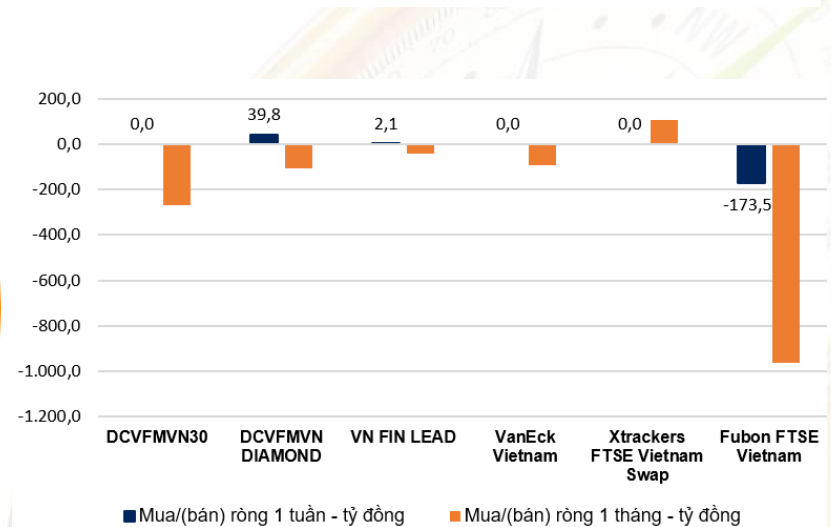
Khối ngoại duy trì bán ròng tuần thứ 3 liên tiếp, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là hơn 1.227 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là hơn 225 tỷ đồng

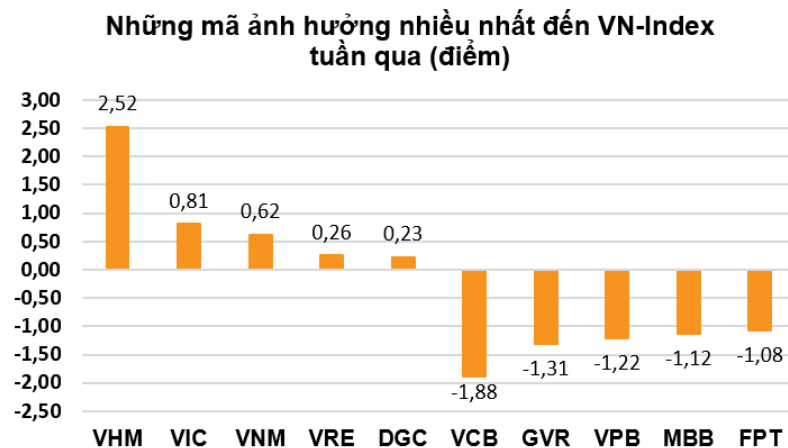


Trong tuần qua quỹ Fubon là quỹ ETF bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là hơn 173 tỷ đồng.

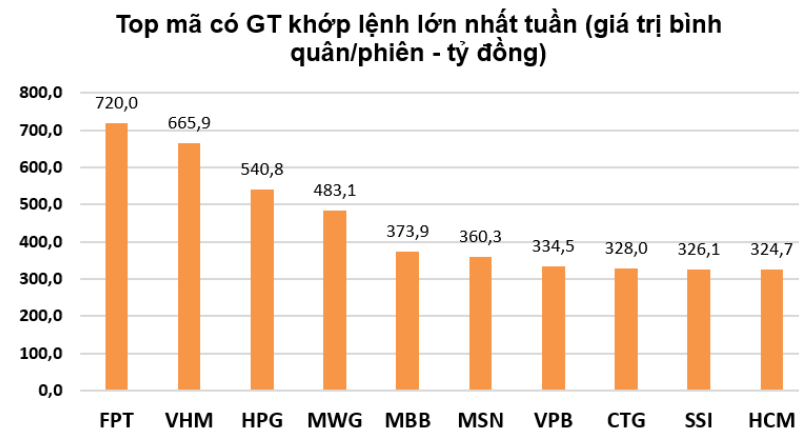


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản sụt giảm và khối ngoại duy trì bán ròng

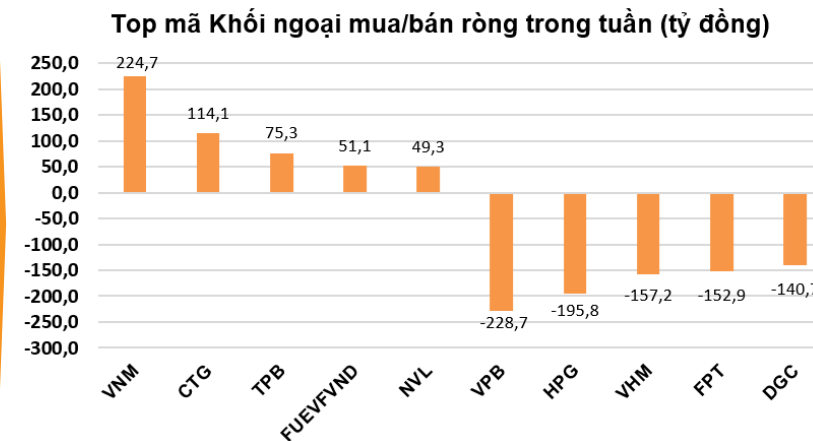
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



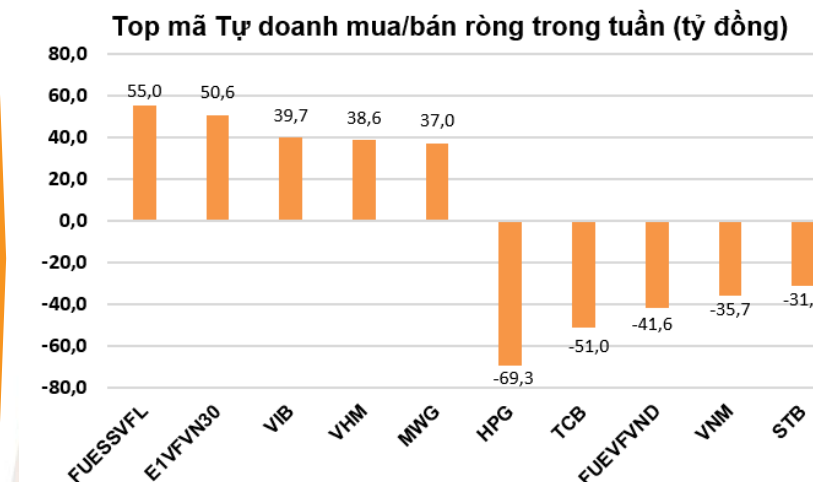
FPT là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp trung bình là hơn 720 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã VHM và HPG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 665 tỷ đồng và hơn 540 tỷ đồng



Trong tuần từ 04 – 06/09 VNM là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 224 tỷ đồng. Trong khi VPB là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 228 tỷ đồng.



Trong tuần 04 – 06/09 CCQ FUESSVFL là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 55 tỷ đồng, trong khi HPG là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 69 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	HPG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-0,39%	0,49%	31.700	24,80%
2	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	4,68%	-3,88%	19.500	58,54%
3	VIB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-1,36%	-0,09%	22.137	22,30%
4	KBC	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-0,93%	-10,18%	40.000	50,94%
5	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	2,03%	14,93%	82.600	9,55%
6	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-1,09%	0,32%	65.100	38,13%
7	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-4,09%	-0,21%	32.000	60,40%
8	PVD	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	-3,10%	-10,73%	36.800	38,35%
9	GMD	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	-3,11%	-7,39%	90.200	15,64%
10	KDH	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	0,27%	2,06%	43.800	15,87%
11	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	5,78%	11,76%	66.400	51,25%
12	MWG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,58%	4,90%	72.100	6,03%

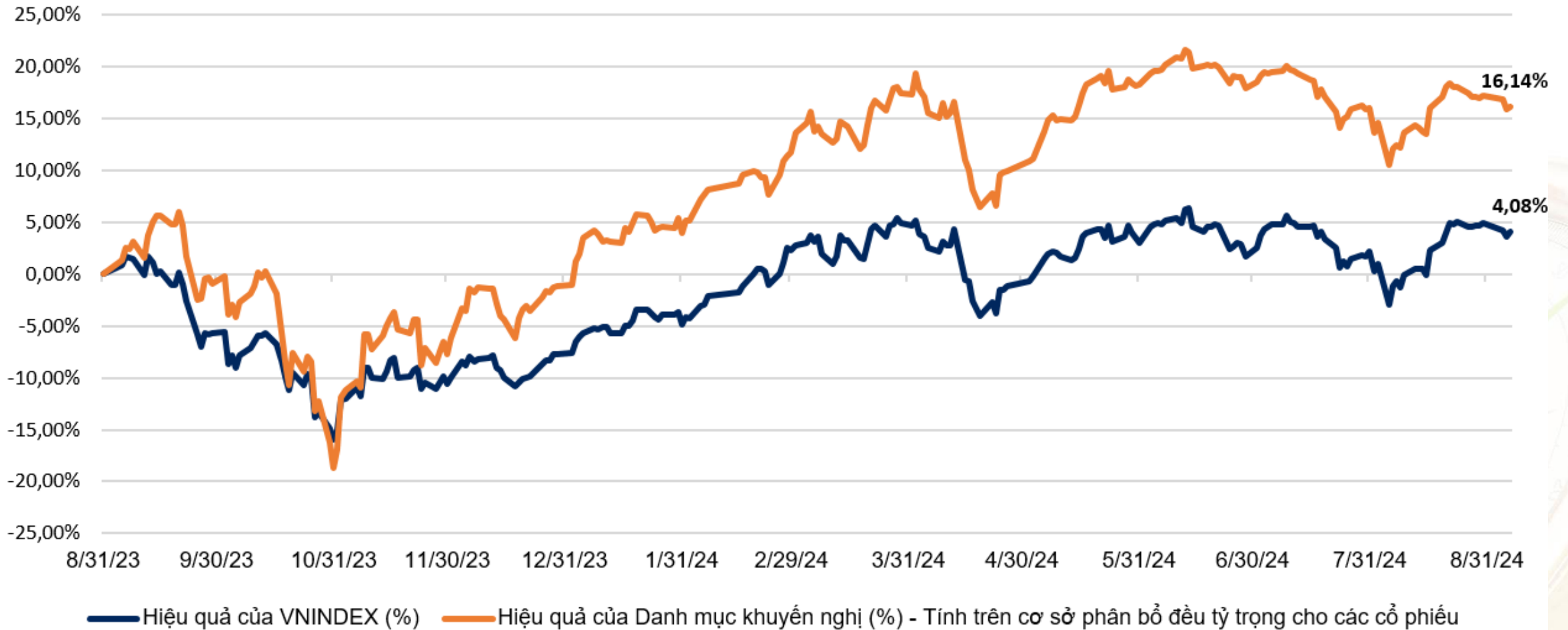
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
13	MBB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-3,42%	4,40%	28.400	18,33%
14	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,54%	1,98%	114.400	14,86%
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-3,52%	-11,26%	48.000	20,60%
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,47%	-12,38%	26.800	50,99%
17	VCB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,64%	3,01%	111.800	23,95%
18	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,64%	-2,94%	23.700	28,46%
19	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,57%	-7,49%	95.100	16,54%
20	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,95%	-8,46%	35.700	24,17%
22	ACV	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,99%	-11,90%	136.200	27,82%
23	BCM	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	0,00%	0,00%	83.900	16,53%
24	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-4,03%	-2,73%	61.200	7,18%
25	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	0,24%	-2,14%	45.800	11,44%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	DGW	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ hồi phục dần	61.600	11/09/2023
2	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
3	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
4	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
5	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
6	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
7	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
8	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
9	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
10	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
11	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
12	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
13	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
14	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
15	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

